Khoa y h□c nhi□t đ□i

1. Đ□c đi□m c□a b□nh

Là b□nh nhi□m vi rút c□p tính đ□□ng hô h□p v□i bi□u hi□n s□t, đau đ□u, đau c□, m□t m□i, s□ mũi, đau h□ng và ho. Ho th□□ng n□ng và kéo dài. Có th□ kèm theo các tri□u ch□ng đ□□ng tiêu hóa (bu□n nôn, nôn, □a ch□y), đ□c bi□t □ tr□ em. Thông th□□ng b□nh di□n bi□n nh□ và h□i ph□c trong vòng 2-7 ngày. □ tr□ em và ng□□i l□n tu□i, ng□□i m□c b□nh m□n tính v□ tim ph□i, th□n, b□nh chuy□n hóa, thi□u máu ho□c ng□□i có suy gi□m mi□n d□ch, b□nh có th□ di□n bi□n n□ng h□n nh□ viêm tai, viêm ph□ qu□n, viêm ph□i, viêm não có th□ d□n đ□n t□ vong

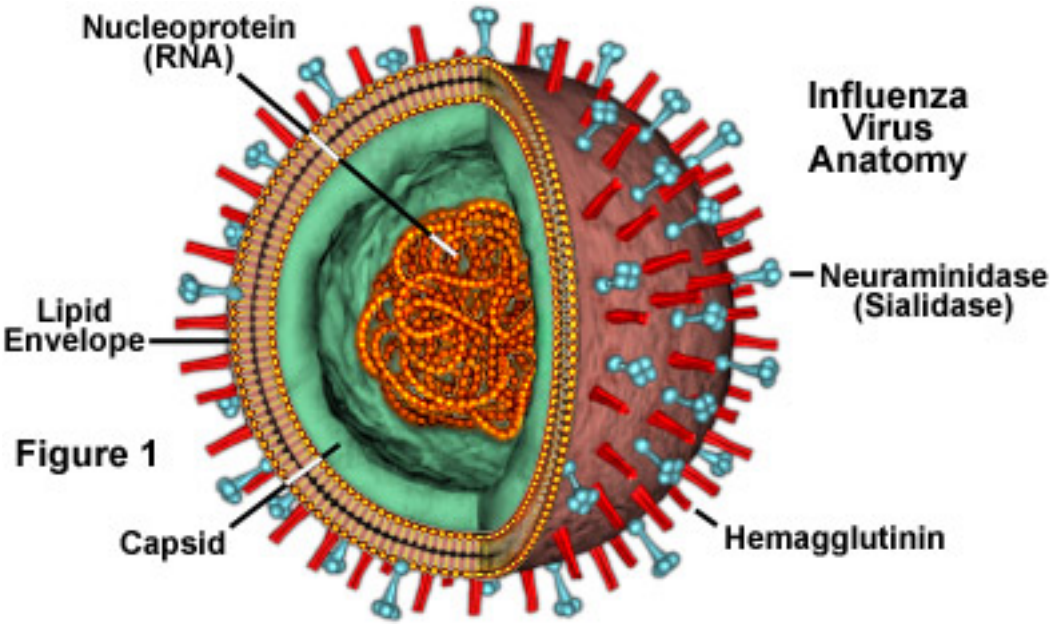

2. Tác nhân gây b□nh.

Vi rút cúm (Influenza virus) thu□c nhóm Orthomyxoviridae và đ□□c chia thành 3 týp A, B và C. V□ c□a vi rút b□n ch□t là glycoprotein bao g□m 2 kháng nguyên: Kháng nguyên ng□ng k□t h□ng c□u H (Hemaglutinin) và kháng nguyên trung hoà N (Neuraminidase). Có 15 lo□i kháng nguyên

H (H1-H15) và 9 lo□i kháng nguyên N (N1-N9). Nh□ng cách t□ h□p khác nhau c□a hai lo□i kháng nguyên này t□o nên các phân týp khác nhau c□a vi rút cúm A. Trong quá trình l□u hành c□a vi rút cúm A, 2 kháng nguyên này, nh□t là kháng nguyên H, luôn luôn bi□n đ□i. Nh□ng bi□n đ□i nh□ liên t□c g□i là “trôi” kháng nguyên (antigenic drift) th□□ng gây nên các v□ d□ch v□a và nh□. Nh□ng bi□n đ□i nh□ d□n d□n tích l□i thành nh□ng bi□n đ□i l□n, t□o nên phân týp kháng nguyên m□i g□i là “thay đ□i” kháng nguyên (antigenic shift). Đó là do s□ tái t□ h□p gi□a các ch□ng vi rút cúm đ□ng v□t và cúm ng□□i. Nh□ng phân týp kháng nguyên m□i này s□ gây đ□i d□ch cúm trên toàn c□u.

Kh□ năng t□n t□i □ môi tr□□ng bên ngoài: Vì b□n ch□t c□a vi rút cúm là lipoprotein, vi rút cúm có s□c đ□ kháng y□u, d□ b□ b□t ho□t b□i b□c x□ m□t tr□i, tia t□ ngo□i, d□ b□ tiêu di□t □ nhi□t đ□ 560C và các ch□t hoà tan lipit nh□ ether, beta-propiolacton, formol, chloramine, cresyl, c□n...Tuy nhiên, vi rút cúm có th□ t□n t□i hàng gi□ □ ngo□i c□nh, đ□c bi□t khi th□i ti□t l□nh và đ□ □m th□p. □ nhi□t đ□ 00C đ□n 40C s□ng đ□□c vài tu□n, □ -200C và đông khô s□ng đ□□c hàng năm

3. Đ□c di□m d□ch t□ h□c

B□nh cúm nguy hi□m là do tính lây lan nhanh và gây thành d□ch. B□nh có th□ x□y ra d□□i nhi□u m□c đ□ khác nhau: đ□i d□ch, d□ch, d□ch nh□ đ□a ph□□ng và các tr□□ng h□p t□n phát. B□nh cúm lan truy□n nhanh trên th□ gi□i trong các mùa d□ch cúm và gây nên gánh n□ng v□ kinh t□ do phí t□n ph□i n□m vi□n đi□u tr□ và chăm sóc y t□ cũng nh□ ngh□ vi□c do b□ b□nh. T□ l□ t□n công c□a b□nh cúm là 5-10% □ ng□□i l□n và 20-30% □ tr□ em. Trong các v□ d□ch cúm hàng năm, 5-15% dân s□ b□ nhi□m khu□n đ□□ng hô h□p trên. B□nh n□ng và t□ vong x□y ra ch□ y□u □ nh□ng nhóm ng□□i có nguy c□ cao nh□ ng□□i già và ng□□i m□c b□nh m□n tính. Ng□□i ta nh□n th□y r□ng các đ□i d□ch cúm x□y ra có tính chu k□ kho□ng t□ 10 đ□n 40 năm.

Hi□n nay, các phân týp kháng nguyên c□a vi rút cúm A đang l□u hành trên toàn c□u là A/H1N1 và A/H5N1, A/H7N9 xen k□ nhau ho□c m□t trong hai týp chi□m □u th□ tu□ t□ng n□i. Vi rút cúm B bi□n đ□i ch□m h□n vi rút cúm A và do đó ch□ có m□t týp huy□t thanh và không gây nh□ng v□ d□ch l□n, v□i chu k□ d□ch t□ 5-7 năm. Vi rút cúm C gây ra các tr□□ng h□p t□n phát v□i ti□u ch□ng lâm sàng không đi□n hình và các v□ d□ch nh□ □ đ□a ph□□ng.

Tr□ em 5-9 tu□i có t□ l□ m□c b□nh cao nh□t. Tuy nhiên, t□ l□ m□c b□nh n□ng và t□ l□ t□ vong cao □ nhóm tr□ d□□i 2 tu□i, ng□□i già và nhóm ng□□i có nguy c□ cao. □ các vùng ôn đ□i, d□ch cúm th□□ng x□y ra vào mùa l□nh. □ các vùng nhi□t đ□i, b□nh th□□ng x□y ra vào mùa m□a ho□c

các tr□□ng h□p t□n phát x□y ra b□t k□ tháng nào trong năm

4. Ngu□n truy□n nhi□m

□ ch□a: Vi rút cúm A có kh□ năng gây nhi□m các loài đ□ng v□t có vú (nh□ l□n và ng□a), các loài chim và gia c□m. Trong đó, vi rút cúm B và C ch□ gây b□nh □ ng□□i. T□t c□ các týp vi rút cúm A t□n t□i trong qu□n th□ chim n□□c hoang d□i. Nhìn chung, các vi rút cúm đ□ng v□t không có kh□ năng gây b□nh cho ng□□i tr□ khi nó đã thích □ng v□i ng□□i ho□c tái t□ h□p v□i vi rút cúm ng□□i.

Đ□i v□i b□nh cúm theo mùa, ng□□i b□nh th□ đi□n hình, ho□c th□ nh□ là □ ch□a vi rút

Th□i gian □ b□nh: Ng□n, th□□ng t□ 1-5 ngày, trung bình là 2 ngày.

Th□i k□ lây b□nh: Ng□□i b□nh đào th□i vi rút kho□ng 1-2 ngày tr□□c khi kh□i phát và 3-5 ngày sau khi có tri□u ch□ng lâm sàng.

5. Ph□□ng th□c lây truy□n:□

B□nh cúm là b□nh có kh□ năng lây nhi□m r□t cao và lây truy□n nhanh, có th□ gây d□ch và đ□i d□ch. B□nh lây lan qua đ□□ng hô h□p, qua không khí gi□t nh□ qua các gi□t nh□ n□□c b□t hay d□ch ti□t mũi h□ng c□a b□nh nhân có ch□a vi rút cúm qua ho, h□t h□i. Vi rút vào c□ th□ qua đ□□ng mũi h□ng. T□ l□ lây lan càng m□nh khi ti□p xúc tr□c ti□p và m□t thi□t, đ□c bi□t □ n□i t□p trung đông ng□□i nh□ tr□□ng h□c, nhà tr□. Trong di□u ki□n th□i ti□t l□nh và □m th□p, t□ bào đ□□ng hô h□p c□a ng□□i d□ b□ t□n th□□ng, làm tăng tính c□m nhi□m v□i b□nh.

6. Tính c□m nhi□m và mi□n d□ch:

M□i ng□□i đ□u có kh□ năng c□m nhi□m cao v□i b□nh. T□ l□ c□m nhi□m v□i các ch□ng vi rút cúm

m□i r□t cao, có th□ lên t□i 90% c□ ng□□i l□n và tr□ em. Sau khi b□ b□nh, s□ có mi□n d□ch đ□c hi□u v□i vi rút gây nhi□m nh□ng th□i gian mi□n d□ch th□□ng không b□n, ph□ thu□c vào m□c đ□ bi□n đ□i kháng nguyên và s□ l□n b□ nhi□m tr□□c đây và không có tác d□ng b□o v□ đ□i v□i nh□ng týp vi rút m□i. Mi□n d□ch có đ□□c sau khi kh□i b□nh không b□o v□ đ□□c kh□i m□c các bi□n ch□ng c□a vi rút cúm. Tr□ em, ng□□i già, ng□□i đang m□c các b□nh mãn tính, suy gi□m mi□n d□ch th□□ng d□ c□m nhi□m h□n nh□ng ng□□i khác.

7. Đi□u tr□:

□ *Đi□u tr□ thu□c kháng vi rút:*

Các khuy□n cáo sau đây d□a trên nh□ng hi□u bi□t v□ hi□u qu□ c□a thu□c kháng vi rút trong đi□u tr□ cúm A (H1N1) đ□i d□ch và cúm A (H5N1):

Oseltamivir:□
- Ng□□i l□n và tr□ em trên 13 tu□i: 75mg x 2 l□n/ngày x 7 ngày.

- Tr□ em t□ 1-13 tu□i: dùng dung d□ch u□ng tu□ theo tr□ng l□□ng c□ th□

+ <15 kg: 30 mg x 2 l□n/ngày x 7 ngày.

+ 16-23 kg: 45 mg x 2 l□n/ngày x 7 ngày.

+ 24-40 kg: 60 mg x 2 l□n/ngày x 7 ngày.

+ > 40 kg: 75 mg x 2 l□n/ngày x 7 ngày.

– Tr□ em d□□i 12 tháng:

+ < 3 tháng: 12 mg x 2 l□n/ngày x 7 ngày.

+ 3-5 tháng: 20 mg x 2 l□n/ngày x 7 ngày.

+ 6-11 tháng: 25 mg x 2 l□n/ngày x 7 ngày.

• Zanamivir: d□ng hít đ□nh li□u. S□ d□ng trong các tr□□ng h□p: Không có oseltamivir,

tr□□ng h□p ch□m đáp □ng ho□c kháng v□i oseltamivir.

– Ng□□i l□n và tr□ em trên 7 tu□i: 2 l□n x□t 5mg x 2 l□n/ngày x 7 ngày.

– Tr□ em: T□ 5-7 tu□i: 2 l□n x□t 5 mg x 1 l□n/ngày x 7 ngày.

• *Zanamivir* d□ng truy□n tĩnh m□ch, v□i li□u khuy□n cáo 300 – 600 mg/ngày (n□u có).

• *L□u ý:*

Tr□□ng h□p n□ng, đáp □ng ch□m v□i thu□c kháng vi rút có th□ dùng li□u g□p đôi và th□i gian đi□u tr□ có th□ kéo dài đ□n 10 ngày ho□c đ□n khi xét nghi□m vi rút tr□ v□ âm tính.
C□n theo dõi ch□c năng gan, th□n đ□ đi□u ch□nh li□u l□□ng cho phù h□p.

8. Các bi□n pháp phòng ch□ng d□ch:

8.1 Nguyên t□c:

- Th□c hi□n các bi□n pháp phòng ng□a và ki□m soát nhi□m khu□n nghiêm ng□t.

- Khi phát hi□n ng□□i b□nh nghi ng□ m□c cúm A ph□i khám, và cách ly k□p th□i.

8.2 Các bi□n pháp phòng b□nh chung:

- V□ sinh cá nhân, r□a tay, nh□ mũi, súc mi□ng-h□ng b□ng các thu□c sát khu□n.

- Ph□i đeo kh□u trang khi ti□p xúc v□i ng□□i b□nh nghi nhi□m cúm.

- V□ sinh hô h□p khi ho kh□c.

- Tránh t□p trung đông ng□□i khi có d□ch x□y ra.

8.3 Tuyên truy□n giáo d□c s□c kh□e:

- Tăng c□□ng truy□n thông giáo d□c s□c kho□ v□ đ□c đi□m c□a b□nh d□ch cúm gia c□m, nh□ng cách nh□n bi□t, khai báo b□nh, các bi□n pháp phòng ch□ng cho b□n thân, gia đình và c□ng đ□ng.

- C□n phát hi□n s□m hi□n t□□ng gia c□m ch□t hàng lo□t và thông báo ngay cho chính quy□n đ□a ph□□ng đ□ k□p th□i ngăn ch□n d□ch lây lan.

- Tuy□t đ□i không đ□□c gi□t m□ và s□ d□ng gia c□m nghi b□ b□nh cúm.

- Khi có ng□□i b□ s□t cao có liên quan đ□n gia c□m b□ b□nh ph□i đ□n ngay c□ quan y t□ đ□ đi□u tr□ k□p th□i.

- Dùng Chloramin B, các ch□t kh□ khu□n m□nh đ□ di□t khu□n, t□y u□

chu□ng tr□i th□□ng xuyên trong t□ng h□ gia đình và các khu v□c có d□ch

cúm gia c□m.

8.4 Phòng ng□a cho ng□□i b□nh:

- Phát hi□n s□m và cách ly ngay nh□ng ng□□i b□nh nghi ng□ m□c cúm A gia c□m.

- Không x□p chung ng□□i b□nh nghi ng□ v□i các ng□□i b□nh khác.

- Ng□□i b□nh đã xác đ□nh b□nh đ□□c t□p trung t□i khoa có đ□ đi□u ki□n cách ly và đi□u tr□.

- Khi tình tr□ng ng□□i b□nh cho phép, t□t c□ ng□□i b□nh, ng□□i nghi ng□ m□c b□nh ph□i mang kh□u trang ngo□i khoa khi □ trong bu□ng b□nh cũng nh□ khi đi ra ngoài bu□ng b□nh.

- Ng□□i b□nh c□n ch□p Xquang, làm các xét nghi□m, khám chuyên khoa c□n đ□□c ti□n hành t□i gi□□ng. N□u không có đi□u ki□n, khi chuy□n ng□□i b□nh đi ch□p chi□u, xét nghi□m… ph□i thông báo tr□□c cho các khoa liên quan đ□ nhân viên y t□ t□i các khoa ti□p nh□n ng□□i b□nh chi□u ch□p, xét nghi□m bi□t đ□ th□c hi□n các bi□n pháp d□ phòng c□n thi□t. Ng□□i b□nh ph□i đeo kh□u trang và m□c áo choàng khi v□n chuy□n trong b□nh vi□n.

8.5 Phòng ng□a cho nhân viên y t□ :

- Dùng kh□u trang ngo□i khoa, kính b□o h□, m□t n□ che m□t, áo choàng gi□y dùng m□t l□n, găng tay, mũ, bao gi□y ho□c □ng. Khi làm th□ thu□t can thi□p đ□□ng th□, h□i sinh ho□c th□ thu□t t□o khí dung nên s□ d□ng kh□u trang N95.

- B□nh ph□m xét nghi□m ph□i đ□□c đ□t trong túi nylon ho□c h□p v□n chuy□n.

- R□a tay b□ng xà phòng ho□c dung d□ch sát khu□n sau khi ti□p xúc v□i d□ch ti□t đ□□ng hô h□p, d□ng c□ b□n, chăm sóc ng□□i b□nh, sau khi tháo găng tay, kh□u trang và tr□□c khi r□i bu□ng b□nh, khu v□c cách ly. Nh□ng ng□□i ti□p xúc tr□c ti□p v□i ng□□i b□nh □ khu v□c cách ly đ□c bi□t ph□i t□m, thay qu□n áo tr□□c khi ra kh□i b□nh vi□n

- Khi ra kh□i bu□ng cách ly ph□i th□i b□ các ph□□ng ti□n phòng h□ vào thùng thu gom ch□t th□i và x□ lý nh□ ch□t th□i y t□ lây nhi□m và ph□i t□m, thay qu□n áo tr□□c khi ra kh□i b□nh vi□n.

- Giám sát: l□p danh sách nhân viên y t□ tr□c ti□p chăm sóc đi□u tr□ và nhân viên làm vi□c t□i khoa có ng□□i b□nh. Nh□ng nhân viên có d□u hi□u nghi ng□ nhi□m b□nh c□n đ□□c khám, làm các xét nghi□m và theo dõi nh□ ng□□i b□nh nghi ng□ b□ cúm n□ng.

8.6 Phòng ng□a cho khách đ□n thăm:

□□□□□□□□□□- H□n ch□ ng□□i nhà và khách thăm vào khu cách ly. Tr□□ng h□p ng□□i nhà chăm sóc ng□□i b□nh ho□c ti□p xúc v□i ng□□i b□nh ph□i đ□□c h□□ng d□n và áp d□ng các bi□n pháp phòng lây nhi□m nh□ nhân viên y t□.

- Giám sát: l□p danh sách theo d□i n□u có d□u hi□u nghi ng□ nhi□m b□nh c□n đ□□c khám, làm các xét nghi□m và theo dõi nh□ ng□□i b□nh nghi ng□ b□ cúm n□ng.

8.7 X□ lý d□ng c□, đ□ v□i và đ□ dùng sinh ho□t cho ng□□i b□nh:

- Th□c hi□n theo quy trình ki□m soát nhi□m khu□n c□a B□ Y t□.

8.8 X□ lý môi tr□□ng và ch□t th□i b□nh vi□n:

- Tuân th□ quy trình v□ x□ lý môi tr□□ng, ch□t th□i theo quy đ□nh nh□ đ□i v□i khu v□c cách ly các b□nh truy□n nhi□m gây d□ch nguy hi□m khác.

8.9 V□n chuy□n ng□□i b□nh:

- H□n ch□ v□n chuy□n ng□□i b□nh, tr□ nh□ng tr□□ng h□p n□ng, v□□t quá kh□ năng đi□u tr□ c□a c□ s□.

- Nhân viên v□n chuy□n ph□i th□c hi□n các bi□n pháp phòng ng□a lây nhi□m làm s□ch và kh□ khu□n xe c□u th□□ng sau m□i l□n v□n chuy□n.

- Ph□i báo tr□□c cho c□ s□ ti□p nh□n tr□□c khi chuy□n ng□□i b□nh

8.10 X□ lý ng□□i b□nh t□ vong:

- Ng□□i b□nh t□ vong ph□i đ□□c khâm li□m t□i ch□, ph□i kh□ khu□n b□ng các hoá ch□t Chloramin B, amonium b□c 4 ho□c propanol. Chuy□n t□ thi đ□n n□i chôn c□t hay h□a táng b□ng xe chuyên d□ng. T□ thi ph□i đ□□c h□a táng ho□c chôn c□t trong vòng 24 gi□, t□t nh□t là ho□ táng.

8.11 V□c xin phòng b□nh đ□c hi□u:□

- Hi□n nay ch□a có v□c xin đ□c hi□u v□i vi rút cúm A (H5N1 và H7N9) dùng cho ng□□i.

- Tiêm v□c xin cúm mùa cho ng□□i có nguy c□ cao có th□ làm gi□m kh□ năng đ□ng nhi□m virus cúm ng□□i và cúm gia c□m t□ đó gi□m nguy c□ thay đ□i và đ□t bi□n gen.